

Số: 26/2025/QĐST-HNGĐ.

Hưng Yên, ngày 11 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 , 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi dưỡng con chung, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1990. Trú tại: Xóm 9, thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986. Trú tại: Xóm 9, thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/4/2013, cháu Phạm Duy Đức A, sinh ngày 12/10/2018 và cháu Phạm Mai A, sinh ngày 19/4/2020. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng với mẹ (chị Xen).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Quỳnh A, cháu Đức A và cháu Mai A: chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn T (là bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị X là hai người khác địa phương, kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hoà, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, (nay là xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 30/12/2011 là đúng. Sau khi anh chị kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị chung sống với nhau tại thôn Bình Lãng, xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong sinh hoạt gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng chung sống với nhau nhưng không còn

chia sẻ được với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, nên từ tháng 12/2022 vợ chồng sống anh chị ly thân nhau từ đó cho đến nay, cả hai không còn quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Đến nay cả chị X và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên anh chị đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/8/2025 giữa chị X, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: chị X, anh T có 03 con chung là Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/4/2013; Phạm Duy Đức A, sinh ngày 12/10/2018; Phạm Mai A, sinh ngày 19/4/2020. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị X. Chị X và anh T thỏa thuận, giao chị X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, chị X đủ điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật, sự thỏa thuận của chị X và anh T phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị X và anh T.

[3]. Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: chị X và anh T, tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về lệ phí: chị X và anh T thỏa thuận, chị X tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn T.

1.2. Về con chung: chị X và anh T có 03 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/4/2013; Phạm Duy Đức A, sinh ngày 12/10/2018 và cháu Phạm Mai A, sinh ngày 19/4/2020. Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng với chị X. Chị X và anh T thỏa thuận, giao chị X được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, cho đến khi các con chung thành niên. Anh T không

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: chị X và anh T đều tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: chị X tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 000096 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị X đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND nhân dân khu vực 3- Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Việt Tiến (ĐKKH số 84/2011 ngày 30/12/2011);
- Tổ HC- TP TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh